

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THỊ XÃ HOÀI NHƠN** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2023/NQ-HĐND

Hoài Nhơn, ngày 19 tháng 7 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành quy định một số nội dung và mức chi bảo đảm hoạt động  
của Hội đồng nhân dân thị xã Hoài Nhơn khóa XII, nhiệm kỳ 2021 - 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN**  
**KHÓA XII, NHIỆM KỲ 2021 - 2026**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02 tháng 4 năm  
2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng  
nhân dân;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm  
2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về chế độ, chính sách và các điều  
kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của  
Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ  
trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc  
hội nghị;*

*Căn cứ Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của  
Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định về việc ban hành quy định một số nội dung và  
mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bình  
Định, nhiệm kỳ 2021 - 2026;*

*Xét Tờ trình số 379/TTr-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân  
dân thị xã về dự thảo nghị quyết quy định một số nội dung và mức chi bảo đảm  
phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân thị xã Hoài Nhơn khóa XII, nhiệm kỳ  
2021 - 2026; Báo cáo thẩm tra số 185/BC-BKTXH ngày 13 tháng 7 năm 2023 của*

*Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân thị xã và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số nội dung và mức chi bảo đảm phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân thị xã Hoài Nhơn khóa XII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

**Điều 2.** Kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân thị xã Hoài Nhơn theo Nghị quyết này được cân đối, bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của Hội đồng nhân dân thị xã.

### **Điều 3.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã, Ủy ban nhân dân thị xã tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thị xã khóa XII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023./.

#### **Nơi nhận:**

- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tư pháp (kiểm tra);
- TT. Thị ủy (b/c);
- TT. HĐND thị xã;
- Các Ban HĐND thị xã;
- Đại biểu HĐND thị xã;
- Thành viên UBND thị xã;
- UBMTTQVN thị xã và các tổ chức thành viên;
- Các cơ quan, phòng, ban liên quan;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường;
- Chánh, Phó chánh VP. HĐND và UBND thị xã;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp, (130b).



**CHỦ TỊCH**

**Phạm Trương**

**QUY ĐỊNH**

**Một số nội dung và mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân thị xã Hoài Nhơn khóa XII, nhiệm kỳ 2021 - 2026**

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND

ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thị xã Hoài Nhơn)

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định một số nội dung và mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân thị xã Hoài Nhơn khóa XII, nhiệm kỳ 2021 - 2026, gồm:

a) Chi kỳ họp Hội đồng nhân dân, cuộc họp của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Hội nghị giao ban giữa Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã và Thường trực Hội đồng nhân dân các xã, phường.

b) Chi xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân thị xã; xây dựng chương trình, kế hoạch công tác nhiệm kỳ, hằng năm, báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân thị xã; các báo cáo, tham luận, bài phát biểu phục vụ hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã.

c) Chi thẩm tra báo cáo, tờ trình, dự thảo nghị quyết trình Hội đồng nhân dân thị xã, báo cáo thẩm tra các nội dung thỏa thuận giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân và nội dung trình phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã, chi lấy ý kiến tham gia các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết và các văn bản quy phạm pháp luật theo yêu cầu của cấp trên.

d) Chi hoạt động kiểm tra, giám sát, khảo sát.

đ) Chi hoạt động tiếp xúc cử tri.

e) Chi tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân, tổ chức.

g) Chi hỗ trợ Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã.

h) Chi hỗ trợ đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã, hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trực tiếp giúp việc cho Hội đồng nhân dân thị xã.

i) Một số chế độ chi khác.

2. Các khoản chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân thị xã không quy định trong Nghị quyết này được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nội dung và mức chi được áp dụng đối với hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã và các cơ quan, đơn vị, cá nhân tham gia, phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân thị xã theo yêu cầu.

## **Điều 3. Nguyên tắc chung**

1. Việc áp dụng các nội dung và mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân thị xã bố trí trong dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bảo đảm đúng đối tượng quy định.

2. Trường hợp kỳ họp Hội đồng nhân dân, các phiên họp, cuộc họp của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân thị xã và các Đoàn kiểm tra, giám sát, khảo sát nếu tổ chức vào ngày nghỉ thì được bồi dưỡng bằng 200% mức chi tương ứng của ngày làm việc bình thường theo quy định hiện hành của Nhà nước.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 4. Chi kỳ họp Hội đồng nhân dân, phiên họp, cuộc họp Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Hội nghị giao ban giữa Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã và Thường trực Hội đồng nhân dân xã, phường, các cuộc họp khác của Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã**

<b>STT</b>	<b>Nội dung chi</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Mức chi</b>
1	Kỳ họp Hội đồng nhân dân thị xã		
a	Tiền ăn	đồng/ngày	240.000
-	Đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã, khách mời tham dự kỳ họp được bố trí ăn tại nhà ăn (Đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã nếu tự túc ăn thì được nhận bằng tiền).		
b	Tiền giải khát		
-	Đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã và đại biểu khách mời	đồng/buổi	32.000
-	Các thành phần tham gia phục vụ	đồng/buổi	24.000
c	Nếu mời cơm thân: Thực hiện như chế độ tiếp khách theo quy định hiện hành.		
-	Trường hợp tiền ăn phát sinh theo thực tế giao Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã xem xét, quyết định.		

d	Về phòng ở: Đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã, đại biểu khách mời ở xa (cách trụ sở cơ quan từ 15 km trở lên) nếu có nhu cầu chỗ ở thì được bố trí. Mức tiền thuê phòng ở (nếu có) thực hiện theo chế độ quy định.		
đ	Chế độ bồi dưỡng kỳ họp Hội đồng nhân dân thị xã		
-	Chủ tọa kỳ họp	đồng/buổi	120.000
-	Thư ký kỳ họp	đồng/buổi	100.000
-	Đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã	đồng/buổi	80.000
-	Đại biểu mời tham dự kỳ họp	đồng/buổi	70.000
-	Cán bộ, công chức Văn phòng phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân thị xã; Phóng viên các cơ quan thông tấn báo chí, biên tập viên Đài Truyền thanh trực tiếp đưa tin kỳ họp.	đồng/buổi	60.000
-	Nhân viên Văn phòng; Lực lượng bảo vệ kỳ họp, nhân viên y tế, nhân viên kỹ thuật, nhân viên phục vụ khác.	đồng/buổi	60.000
-	Xây dựng nội dung, chương trình kỳ họp; chương trình điều hành kỳ họp Hội đồng nhân dân thị xã.	đồng/văn bản	200.000
-	Diễn văn khai mạc; bế mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân thị xã.	đồng/văn bản	300.000
-	Tờ trình về kết quả phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp của Hội đồng nhân dân thị xã	đồng/văn bản	200.000
-	Biên bản kỳ họp; đề cương báo cáo kết quả kỳ họp Hội đồng nhân dân thị xã	đồng/văn bản	400.000
-	Xây dựng báo cáo tổng hợp các ý kiến thảo luận tổ tại kỳ họp Hội đồng nhân dân thị xã.	đồng/văn bản	500.000
2	Chế độ bồi dưỡng họp Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Hội nghị giao ban giữa Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã và Thường trực Hội đồng nhân dân các xã, phường, các cuộc họp khác của Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã.		

-	Chủ trì cuộc họp	đồng/buổi	100.000
-	Thành viên dự họp	đồng/buổi	80.000
-	Cán bộ, công chức Văn phòng phân công giúp việc	đồng/buổi	80.000
-	Nhân viên phục vụ	đồng/buổi	30.000
-	Kết luận hoặc thông báo nội dung kết quả cuộc họp	đồng/văn bản	200.000
3	Các khoản chi phục vụ Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã		
-	Bài viết hoặc nội dung trả lời phỏng vấn của báo chí; bài phát biểu, báo cáo tham luận của Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã tại các Hội nghị	đồng/văn bản	200.000

**Điều 5. Chi xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, xây dựng chương trình, kế hoạch công tác nhiệm kỳ, hàng năm của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân; báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân thị xã**

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
1	Xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thị xã (đối với Nghị quyết không phải là văn bản quy phạm pháp luật)		
a	Tờ trình ban hành nghị quyết	đồng/văn bản	150.000
b	Nghị quyết về công tác nhân sự	đồng/nghị quyết	100.000
c	Các nghị quyết còn lại (trừ Nghị quyết được quy định tại điểm b khoản 1 Điều này)	đồng/nghị quyết	250.000
d	Các Nghị quyết sửa đổi, bổ sung bằng 50% mức chi nghị quyết mới tương ứng ban hành tại điểm c khoản 1 Điều này.		
2	Chỉnh lý kỹ thuật, hoàn thiện Nghị quyết sau khi Hội đồng nhân dân thị xã thông qua	đồng/nghị quyết	50.000
3	Tờ trình của Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã đề nghị Hội đồng nhân dân thị xã ban hành Nghị quyết; báo cáo của Thường trực	đồng/văn bản	200.000

	Hội đồng nhân dân thị xã báo cáo cấp ủy, Ban Thường vụ cấp ủy; báo cáo theo yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.		
4	Báo cáo công tác sơ kết; tổng kết nhiệm kỳ, báo cáo chuyên đề của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã.	đồng/văn bản	400.000
5	Báo cáo, văn bản tương ứng của các Ban Hội đồng nhân dân trình kỳ họp Hội đồng nhân dân thị xã bằng 70% mức chi của Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã.		

**Điều 6. Chi công tác thẩm tra dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thị xã; chi xây dựng báo cáo tham gia ý kiến đối với các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết và các văn bản quy phạm pháp luật theo yêu cầu của cấp trên**

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
1	Công tác xây dựng văn bản		
a	Báo cáo thẩm tra: các dự thảo Nghị quyết; các nội dung thỏa thuận giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân thị xã, các nội dung giải trình tại phiên họp chất vấn của Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã	đồng/văn bản	150.000
b	Báo cáo tổng hợp nội dung tham gia góp ý các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết... theo yêu cầu của cấp trên	đồng/văn bản	300.000
2	Chế độ bồi dưỡng họp		
-	Chủ trì cuộc họp	đồng/buổi	100.000
-	Thành viên dự họp	đồng/buổi	80.000
-	Nhân viên phục vụ	đồng/buổi	30.000

**Điều 7. Chi hoạt động kiểm tra, giám sát, khảo sát và hoạt động chất vấn**

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
1	Hoạt động kiểm tra, giám sát		
a	Văn bản kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã		
-	Thành lập Đoàn kiểm tra, giám sát (quyết định, kế hoạch và đề cương)	đồng/bộ văn bản	250.000

-	Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát	đồng/báo cáo	500.000
b	Văn bản giám sát của các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân bằng 80% mức chi xây dựng văn bản giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã.		
c	Xây dựng văn bản cho hoạt động khảo sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã mức chi bằng 80% tại điểm a khoản 1 Điều này; chi xây dựng văn bản cho hoạt động khảo sát của các Ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân mức chi cho xây dựng văn bản bằng 80% tại điểm b khoản 1 Điều này.		
d	Chế độ bồi dưỡng Đoàn kiểm tra, giám sát, khảo sát		
-	Trưởng đoàn	đồng/buổi	120.000
-	Phó Trưởng đoàn	đồng/buổi	100.000
-	Thành viên	đồng/buổi	80.000
-	Cán bộ, công chức Văn phòng tham gia, phục vụ đoàn giám sát, phóng viên	đồng/buổi	60.000
-	Nhân viên lái xe, phục vụ	đồng/buổi	50.000
đ	Trong trường hợp thành viên tham gia kiểm tra, giám sát, khảo sát khi đi công tác mà địa điểm làm việc cách trụ sở cơ quan từ 15 km trở lên đã được bố trí phương tiện đi lại, phục vụ ăn tập trung thì không được thanh toán phụ cấp công tác phí. Mức chi tiền ăn như mức chi tiền ăn của đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã tại kỳ họp. Tiền thuê phòng nghỉ (nếu có) thực hiện theo quy định.		

#### **Điều 8. Chi hoạt động tiếp xúc cử tri (TXCT)**

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
1	Hỗ trợ Hội nghị tiếp xúc cử tri (đề trang trí, nước uống, bồi dưỡng Chủ trì, cán bộ trực tiếp phục vụ hội nghị)	đồng/điểm	800.000
2	Chế độ bồi dưỡng tiếp xúc cử tri:		
a	Đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã	đồng/năm	1.000.000
b	Các thành phần tham dự theo giấy mời của Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã	đồng/người /điểm	70.000



c	Cán bộ, công chức, nhân viên Văn phòng tham gia, phục vụ, phóng viên	đồng/người /điểm	70.000
d	Chủ trì hội nghị tiếp xúc cử tri: 100.000 đồng/người/điểm		
3	Kinh phí hỗ trợ điểm tiếp xúc cử tri cho đại biểu Hội đồng nhân dân do ngân sách địa phương bố trí theo quy định.		
a	Đối với chủ trì hội nghị tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã, đại biểu Hội đồng nhân dân xã, phường thì chi từ nguồn kinh phí hoạt động Hội đồng nhân dân cấp mình.		
b	Bồi dưỡng đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã và các thành phần tham dự tiếp xúc cử tri cấp nào thì chi từ nguồn kinh phí hoạt động Hội đồng nhân dân cấp đó.		
4	Bồi dưỡng đại biểu Hội đồng nhân dân viết báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri gửi về Tổ trưởng để tổng hợp.	đồng/báo cáo	80.000
5	Báo cáo tổng hợp kiến nghị cử tri trình Hội đồng nhân dân.	đồng/báo cáo	400.000

**Điều 9. Chi tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân, tổ chức**

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
1	Tiếp công dân: Thực hiện các mức chi theo quy định hiện hành.		
2	Xây dựng Thông báo kết luận tiếp công dân	đồng/báo cáo	200.000
3	Báo cáo đề xuất giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo, trình hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền (theo chỉ đạo Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã)	đồng/báo cáo	150.000

**Điều 10. Chế độ hỗ trợ Tổ đại biểu**

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
1	Kinh phí hoạt động của tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã (cấp theo số lượng đại biểu mỗi tổ) do ngân sách thị xã bảo đảm.	đồng/đại biểu/năm	2.500.000

2	Chế độ bồi dưỡng họp tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã		
a	Chủ trì cuộc họp	đồng/buổi	120.000
b	Các thành viên dự họp	đồng/buổi	80.000
c	Nhân viên phục vụ	đồng/buổi	30.000
d	Báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri của Tổ đại biểu, các báo cáo khác theo yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã	đồng/văn bản	150.000

**Điều 11. Chế độ hỗ trợ đại biểu Hội đồng nhân dân, hỗ trợ cán bộ, công chức, người lao động trực tiếp giúp việc cho Hội đồng nhân dân thị xã.**

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
1	Chế độ phụ cấp kiêm nhiệm các chức danh lãnh đạo của Hội đồng nhân dân thị xã thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước		
2	Đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã hoạt động không chuyên trách mà không phải là người hưởng lương (kể cả người hưởng lương hưu) hoặc hưởng trợ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước hoặc từ bảo hiểm xã hội thì chi trả tiền công lao động cho những ngày làm việc thực tế thực hiện nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã: Hệ số 0,12 mức lương cơ sở/ngày; tính cho 30 ngày làm việc/năm.		
3	Đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ mua bảo hiểm y tế từ nguồn kinh phí hoạt động Hội đồng nhân dân thị xã.		
4	Hỗ trợ chi phí khai thác internet phục vụ hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã	đồng/đại biểu/năm	500.000
5	Hỗ trợ may trang phục trong nhiệm kỳ		
a	Đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã được cấp tiền may 02 bộ trang phục	đồng/bộ	2.500.000
b	Đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã được cấp tiền mua 02 cặp đựng tài liệu	đồng/cái	500.000
c	Cán bộ, công chức của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã, giúp việc trực tiếp hoạt động Hội đồng nhân dân thị xã được cấp tiền may 01 bộ trang phục	đồng/bộ	2.000.000

6	<p>Chế độ hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ, hàng năm cho đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã (trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã đã hưởng chế độ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ theo chức danh, chức vụ theo quy định thì không hưởng chế độ chi theo Nghị quyết này).</p> <p>Riêng năm chuyển giao nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã (không bao gồm đại biểu tái cử) được hỗ trợ bằng 50% mức trên.</p>	đồng/đại biểu/năm	2.000.000
7	<p>Khoản hỗ trợ chi phí đi lại để thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân thị xã: 1.500.000/đại biểu/năm.</p> <p>Riêng đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã là thành viên không chuyên trách các Ban của Hội đồng nhân dân và Tổ trưởng, Tổ phó các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã: 2.000.000đ/đại biểu/năm.</p>		
8	<p>Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã nếu từ trần mà người lo mai táng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp mai táng từ quỹ bảo hiểm xã hội hoặc không thuộc đối tượng hưởng trợ cấp mai táng từ ngân sách nhà nước thì được hưởng một lần trợ cấp mai táng bằng 10 lần lương cơ sở do Hội đồng nhân dân thị xã chi từ ngân sách nhà nước (theo quy định pháp luật)</p>		
9	<p>Chế độ tặng quà lưu niệm cho đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã khi kết thúc nhiệm kỳ hoạt động Hội đồng nhân dân thị xã do Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã quyết định.</p> <p>Chế độ tặng quà lưu niệm cho cán bộ, công chức, người lao động trực tiếp giúp việc cho Hội đồng nhân dân thị xã và các đối tượng khác nhân dịp tổng kết nhiệm kỳ hoạt động Hội đồng nhân dân thị xã do Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã quyết định.</p>		
10	<p>Tổ chức các đoàn đi nghiên cứu, học tập, trao đổi kinh nghiệm; bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã (trong và ngoài nước) do Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định.</p>		
11	<p>Trang bị máy móc, thiết bị phục vụ công tác: Tùy theo điều kiện ngân sách địa phương, Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã quyết định việc trang bị máy tính bảng (hoặc thiết bị điện tử tương đương) cho đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã. Tiêu chuẩn, định mức thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.</p>		

**Điều 12. Một số nội dung và mức chi khác**

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
1	Thăm hỏi khi ốm đau nằm viện, lễ tang, các hoạt động khác cho đại biểu Hội đồng nhân dân; nguyên là đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã		
a	Đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã đương nhiệm khi ốm đau nằm viện (không quá 02 lần/năm)	đồng/người /lần	1.000.000
b	Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã bị bệnh hiểm nghèo (không quá 02 lần/năm)	đồng/người /lần	3.000.000
c	Đối với nguyên đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã bị bệnh hiểm nghèo, Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã xem xét, quyết định mức hỗ trợ, tùy theo điều kiện ngân sách địa phương nhưng không quá 3.000.000 đồng/người/lần.		
d	Phúng điếu đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã; nguyên là đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã. Cha, mẹ đẻ hoặc cha, mẹ vợ (chồng) hoặc vợ, chồng, con của đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã đương nhiệm	đồng/người /lần	1.000.000
đ	Hỗ trợ đột xuất khác do Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã quyết định		
e	Tặng quà cho tổ chức, cá nhân nhân dịp lễ, tết do Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã quyết định.		
2	Hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, người lao động trực tiếp giúp việc cho Hội đồng nhân dân thị xã được thực hiện như khoản 1 Điều này.		
3	Thăm hỏi, phúng điếu, đối với các đối tượng khác do Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã quyết định.		
4	Cán bộ, công chức, người lao động trực tiếp giúp việc cho Hội đồng nhân dân thị xã khi chuyển công tác sang cơ quan khác, nghỉ hưu được tặng quà lưu niệm với mức chi do Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã quyết định.		

**Chương III****TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 13. Tổ chức thực hiện.**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thị xã chịu trách nhiệm triển khai thực hiện nghị quyết này.

2. Hàng năm, căn cứ chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã và các quy định chi tại Nghị quyết này, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã xây dựng dự toán trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phân bổ, giao dự toán kinh phí bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân; tham mưu, giúp Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã quản lý, điều hành kinh phí bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân thị xã theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật liên quan.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, Ủy ban nhân dân thị xã kịp thời báo cáo, trình Hội đồng nhân dân thị xã điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

---

